

SỞ Y TẾ KIÊN GIANG
TRUNG TÂM Y TẾ TP. HÀ TIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 15 /YCBG-TTYT

Hà Tiên, ngày 31 tháng 10 năm 2023

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Thực hiện Thông tư số 14/2023/TT-BYT, ngày 30/6/2023 của Bộ Y tế quy định trình tự, thủ tục xây dựng giá gói thầu mua sắm hàng hóa và cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập;

Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu hóa chất xét nghiệm, trang thiết bị y tế dùng trong xét nghiệm trong khi chờ kết quả đấu thầu tập trung của tỉnh giai đoạn năm 2023-2024 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ: Số 65, Cách Mạng Tháng Tám, khu phố III, phường Tô Châu, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Ông Bùi Thanh Hiệp, trưởng khoa Dược - trang thiết bị - vật tư y tế. Điện thoại: 02973.966.122. Email: buihanhhiiepbvhtkg@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

01 Bản cứng có ký tên và đóng dấu gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên, địa chỉ: Số 65, Cách Mạng Tháng Tám, khu phố III, phường Tô Châu, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

01 bản file Excel gửi qua email: buihanhhiiepbvhtkg@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 8 giờ 00 ngày 02 tháng 11 năm 2023 đến trước 17 giờ 00 ngày 13 tháng 11 năm 2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 13 tháng 11 năm 2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hóa chất xét nghiệm, trang thiết bị y tế dùng cho xét nghiệm:

Stt	Tên hóa chất	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn Vị Tính
I.	Que thử nước tiểu tương thích với Máy xét nghiệm nước tiểu URILYZER® 100pro			
1	Que thử nước tiểu 11 thông số	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	Que	100
II.	Hóa chất xét nghiệm tương thích với Máy sinh hoá Monarch 240			
2	Acid Uric	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	ML	360
3	CK-MB	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	ML	125
4	Glucose	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	ML	720
5	HDL - Cholesterol Direct	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	ML	160
6	AST (GOT)	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	ML	200
7	ALT (GPT)	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	ML	200
8	Urea	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	ML	200
9	Detergen	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	Bình 2 lít	3
III.	Hóa chất xét nghiệm tương thích với Máy huyết học Celldyn Ruby 2300			
10	Dung dịch pha loãng	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	LÍT	40
11	Nội kiểm huyết học 3 mức nồng độ (cao, trung bình, thấp)	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	bộ	1
IV	Hoá chất thông thường			
12	Test nhanh HIV	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	Test	100
13	Test nhanh anti HCV	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	Test	100
14	Test Troponin I(Card)	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	Test	25
15	Giấy in nhiệt	Mô tả cụ thể tại Phụ lục I đính kèm	cuộn	1
	TỔNG CỘNG :15 KHOẢN			

(Chi tiết tại **Phụ lục I** đính kèm yêu cầu báo giá này)

2. Địa điểm giao hàng: Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. Địa chỉ: Số 65, Cách Mạng Tháng Tám, khu phố III, phường Tô Châu, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: tối đa 07 ngày, theo từng đợt, trong vòng 24 tháng.

4. Giá báo giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có), chi phí vận chuyển ... bên mua không phải trả bất kỳ một chi phí nào thêm.

5. Mẫu báo giá của các hãng sản xuất, nhà cung cấp theo **phụ lục II** đính kèm yêu cầu báo giá này.

Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên rất mong nhận được sự quan tâm và Bảng báo giá của quý công ty/đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- BGD, CNTT (đăng tải), KD, TCKT;
- Lưu Văn thư.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Viên

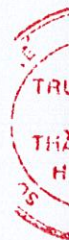


PHỤ LỤC I

Mô tả về yêu cầu tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật

STT	Tên hóa chất	Thành phần, tiêu chí, thông số kỹ thuật cơ bản	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng
I- Que thử nước tiểu tương thích với Máy xét nghiệm nước tiểu URILYZER® 100pro					
1	Que thử nước tiểu 11 thông số	Que thử dùng để thử 11 thông số trong nước tiểu: PH, Protein, Glucose, Ketone, Urobilinogen, Bilirubin, Blood, Specific Gravity, Ascorbic Acid, Leukocytes, Nitrite, (CP)	ISO,CE	Que	100
II-Hóa chất xét nghiệm tương thích với Máy sinh hoá Monarch 240					
2	Acid Uric	<p>Thành phần:</p> <p>R1:</p> <p>Pipes Buffer (pH =< 7.0): =< 50 mmol/l</p> <p>DHBS =< 0.50 mmol/l</p> <p>Uricase ≥ 0.32 kU/l</p> <p>Peroxidase ≥ 1.0 kU/l</p> <p>4-Aminoantipyrine >= 0.31 mmol/l</p> <p>R2:</p> <p>standard See bottle label</p> <p>Measuring range (phạm vi đo): từ =< 0.49 đến = < 25 mg/dl</p>	ISO,CE	ML	360
3	CK-MB	<p>Chạy trên máy xét nghiệm sinh hóa, định lượng nồng độ CREATINE KINASE MB trong huyết thanh, huyết tương để chẩn đoán sớm bệnh nhồi máu cơ tim</p> <p>Thành phần:</p> <p>R1:</p> <p>Imidazole buffer, pH (=< 6.1):=< 125 mmol/l</p> <p>Glucose: =< 25 mmol/l</p> <p>Magnesium acetate: =<12.5 mmol/l</p> <p>EDTA: =<2 mmol/l</p> <p>N-acetyl-L-cysteine: =<25 mmol/l</p> <p>NADP: =<2.4 mmol/l</p> <p>Hexokinase: > 6.8 U/ml</p> <p>Anti-CK antibodies (goat) blocking capacity up to: : =< 2000 U/l CK-MM</p> <p>R2:</p> <p>Imidazole buffer, (pH =< 8,9): =< 125 mmol/l</p> <p>ADP: =<15.2 mmol/l</p> <p>D-glukoso-6-phosphate-dehydrogenase: > 8.8 U/ml</p> <p>Creatine phosphate: =< 250 mmol/l</p> <p>AMP: =< 25 mmol/l</p> <p>Diadenosine pentaphosphate: =<103 µmol/l</p> <p>Measuring range (phạm vi đo): = < 7.1 -> = 1200 U/l</p>	ISO,CE	ML	125

4	Glucose	<p>Xét nghiệm sinh hóa định lượng nồng độ GLUCOSE trong huyết thanh</p> <p>Phosphate buffer 250 mmol/l Glucose oxidase > 25 U/ml Peroxidase > 2 U/ml Phenol 5 mmol/l 4-aminoantipyrine 0.5 mmol/l Measuring range (phạm vi đo): 2.34-450 mg/dl</p>	ISO,CE	ML	720
5	HDL - Cholesterol Direct	<p>Là hóa chất sinh hóa chạy trên máy phân tích sinh hóa để định lượng nồng độ HDL DIRECT trong huyết thanh.</p> <p>R1: MES buffer (pH 6.5): =< 6.5 mmol/l TODB N, N-Bis(4-sulfobutyl)-3-methylaniline: =<3 mmol/l Polyvinyl sulfonic acid: =< 50 mg/l Polyethylene-glycol-methyl ester: =< 30 ml/l MgCl2: =< 2 mmol/l</p> <p>R2: MES buffer (pH 6.5) :=< 50 mmol/l Cholesterol esterase: =< 5 kU/l Cholesterol oxidase: =< 20 kU/l Peroxidase: =< 5 kU/l 4-aminoantipyrine: =< 0.9 g/l Detergent: =< 0.5 % Measuring range (phạm vi đo): =< 1.90 - > = 193 mg/dl</p>	ISO,CE	ML	160
6	AST (GOT)	<p>Định lượng nồng độ AST/GOT trong huyết thanh huyết tương để chẩn đoán các bệnh về gan trong khám cận lâm sàng</p> <p>R1: Tris Buffer (pH 7.5): =< 110 mmol/l L-Aspartic acid: =< 340 mmol/l LDH: ≥ 4000 U/l MDH: ≥ 750 U/l</p> <p>R2: CAPSO: =< 20 mmol/l 2-oxoglutarat: =< 85 mmol /l NADH: =< 1.05 mmol/l Measuring range (phạm vi đo): =< 3.84m- > = 390 U/l</p>	ISO,CE	ML	200



7	ALT (GPT)	<p>Định lượng nồng độ ALT/GPT trong huyết thanh huyết tương để chẩn đoán các bệnh về gan trong khám cận lâm sàng</p> <p>R1: Tris Buffer (pH 7.5): = <137.5 mmol/l L-Alanine: = <709 mmol/l LDH (microbial): ≥ 2000 U/l</p> <p>R2: CAPSO: = <20 mmol/l 2-oxoglutarate: = <85 mmol /l NADH: = <1.05 mmol/l</p> <p>Measuring range (phạm vi đo): = < 4.4- > = 360 U/l</p>	ISO,CE	ML	200
8	Urea	<p>Định lượng nồng độ UREA trong huyết thanh huyết tương giúp cho quá trình chẩn đoán và điều trị bệnh về thận, tắc nghẽn ống nước tiểu, hư thận cấp tính và mãn tính</p> <p>R1: Tris Buffer: = <100 mmol/l α-Ketoglutarate: = < 5.49 mmol/l Urease (Jack Bean): ≥ 10 KU/l GLDH (Microorganism): ≥ 3.8 KU/l</p> <p>R2: NADH: = < 1.66 mmol/l.</p> <p>'- Measuring range (phạm vi đo): = < 11.5- > = 300 mg/dl.</p>	ISO,CE	ML	200
9	Detergen	<p>Dung dịch rửa đậm đặc.</p> <p>Thành phần: có chứa natri hydroxit (contains sodium hydroxide)</p>	ISO,CE	bình	3
III- Hóa chất xét nghiệm tương thích với Máy huyết học Celldyn Ruby2300					
10	Dung dịch pha loãng	<p>Dung dịch đệm đẳng trương để sử dụng trong chẩn đoán in vitro và được thiết kế để bao phủ và pha loãng bạch cầu (WBC), để xác định và phân biệt các tế bào máu và đo hematocrit trên các máy đếm tế bào máu của HORIBA Medical</p> <p>- Thành phần: + Dung dịch đệm hữu cơ (Organic buffer) < 5%</p>	ISO,CE	LÍT	40
11	Nội kiểm huyết học 3 mức nồng độ (cao, trung bình, thấp)	<p>Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng huyết học mức cao, trung bình, thấp.</p> <p>Thuốc thử này được phân loại là không nguy hại theo đúng quy định (EC - Cộng đồng châu Âu) Số 1272/2008.</p> <p>- Thành phần: chứa bạch cầu (WBC), hồng cầu (RBC) và tiểu cầu (PLT) của động vật có vú được làm thành hỗn dịch ở dạng dịch giống như huyết tương.</p>	ISO,CE	bộ	1

IV- Hoá chất thông thường					
12	Test nhanh HIV	<p>Cho kết quả nhanh trong vòng 15 phút, độ ổn định của kết quả xét nghiệm tới 60 phút.</p> <p>Không cần sử dụng thêm bất kỳ dung dịch đệm (chase) cho mẫu máu huyết thanh, huyết tương khi xét nghiệm mẫu phẩm là máu toàn phần. Xét nghiệm được cả với mẫu máu toàn phần lấy từ tĩnh mạch bảo quản trong nhiệt độ từ 2-8 độ C tới 07 ngày. Xét nghiệm được với lượng mẫu phẩm sử dụng xét nghiệm là = < 50uL mẫu.</p> <p>Độ nhạy: 100%</p> <p>Độ đặc hiệu: >= 99.75%</p> <p>Độ chính xác: >= 99.6%</p> <p>Hàm lượng chính: Antibody, anti HIV-1, Antibody, Anti HIV-2, Antigen (pGO9-CKS/XL-1)</p> <p>HIV-1 Group O, Antigen, (PjC100)HIV-2, Antigen, (pOM10/PV361) HIV-1, Antigen, (pTB319/XL-1) HIV-1, HIV-1 Peptide Antigen, HIV-2 peptide Antigen.</p> <p>Quy cách : Khay nhựa có giếng nhỏ mẫu, túi nhôm</p> <p>Hạn sử dụng 24 tháng kể từ ngày sản xuất, bảo quản ở nhiệt độ thường từ 2-30 độ C</p>	ISO	Test	100
13	Test nhanh anti HCV	<p>"Phát hiện định tính kháng thể kháng virus viêm gan C.</p> <p>Không sử dụng dung dịch đệm.</p> <p>Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương/Huyết thanh.</p> <p>Độ nhạy: 100% Độ đặc hiệu: 100 %</p>	ISO	Test	100
14	Test Troponin I(Card)	<p>Phát hiện định tính Troponin I tim (cTnl) trong huyết tương, huyết thanh và máu toàn phần người. Độ nhạy: >= 96.9%. Độ đặc hiệu: >=97.3%; giới hạn phát hiện 0.5 ng/ml;</p>	ISO,CE	Test	25
15	Giấy in nhiệt 57mm	<p>Lõi nhựa đảm bảo, không bụi giấy, bọc bằng giấy bạc chống ẩm, chất lượng in sắc nét đen đậm.</p>	ISO	cuộn	1
Tổng cộng: 15 khoản.					



PHỤ LỤC II

BẢO GIÁ (1)

Kính gửi: TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ HÀ TIÊN.

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các vật tư y tế, hóa chất và trang thiết bị y tế thông thường dùng trong hoạt động thường xuyên như

1. Báo giá cho các vật tư y tế, hóa chất và trang thiết bị y tế thông thường cần mua sắm cấp bách :

STT	Tên vật tư y tế, hóa chất, trang thiết bị y tế thông thường (2)	Ký, mã, nhãn hiệu, hãng sản xuất (3)	Mã HS (4)	Năm sản xuất (5)	Xuất xứ (6)	Số lượng (7)	Đơn giá (VNĐ) (8)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VNĐ) (9)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VNĐ) (10)	Thành tiền (VNĐ) (11)
1										
2										
3										
n									
Tổng cộng										

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tình năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của các vật tư y tế, hóa chất và trang thiết bị y tế thông thường)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng.....ngày, kể từ ngày.....tháng.....năm.....[ghi ngày].....tháng ... năm kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.



Giá trị của các vật tư y tế, hóa chất và trang thiết bị y tế thông thường nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp (12

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại vật tư y tế, hóa chất và trang thiết bị y tế thông thường theo đúng yêu cầu ghi tại cột "Danh mục thiết bị y tế" trong Yêu cầu báo giá.
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của vật tư y tế, hóa chất và trang thiết bị y tế thông thường tương ứng với chủng loại hóa chất xét nghiệm, vật tư y tế dùng trong xét nghiệm ghi tại cột "Danh mục vật tư y tế, hóa chất và trang thiết bị y tế thông thường".
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng vật tư y tế, hóa chất và trang thiết bị y tế thông thường.
- (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của vật tư y tế, hóa chất và trang thiết bị y tế thông thường.
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng theo đúng số lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng vật tư y tế, hóa chất và trang thiết bị y tế thông thường.
- (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể các chi phí liên quan; chi tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.
- (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có).
- (11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng vật tư y tế, hóa chất và trang thiết bị y tế thông thường. Giá trị tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng vật tư y tế, hóa chất và trang thiết bị y tế thông thường (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

